

# HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

Ths. Đỗ Văn Hợp\*

*Để có thông tin phục vụ cho công tác điều hành quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp đều phải thiết lập cho mình một hệ thống thông tin kế toán phù hợp. Tuy nhiên, cách thức tổ chức hệ thống thông tin kế toán của mỗi doanh nghiệp phụ thuộc vào tầm quan trọng và vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong việc quản lý, điều hành hoạt động của doanh nghiệp đó. Bài viết này, nghiên cứu kinh nghiệm về hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp của một số nước và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.*

• Từ khóa: hệ thống thông tin kế toán; doanh nghiệp quốc phòng; kinh nghiệm.

*It is necessary for a company to set up an appropriate accounting information system as one of supportive sources of information for the management. How an accounting information system could be organized also strongly depends on its significance and its roles to the corporate management. This paper will examine accounting information systems in several significant oversea corporations then suggest learning experience for ones in Vietnam.*

• Keywords: accounting information system; defensive corporations; experience.

Ngày nhận bài: 4/10/2019

Ngày chuyển phản biện: 6/10/2019

Ngày nhận phản biện: 19/10/2019

Ngày chấp nhận đăng: 23/10/2019

Hệ thống thông tin kế toán thu nhận dữ liệu đầu vào tiến hành lưu trữ, xử lý sau đó lập báo cáo kế toán để cung cấp cho các đối tượng sử dụng với những mục đích khác nhau (gồm các đối tượng bên trong và đối tượng bên ngoài), vì thế HTTT kế toán có thể được hiểu như là một tập hợp các nguồn lực (con người, thủ tục) và công cụ (phần cứng, phần mềm) được thiết kế nhằm thu thập, lưu trữ, xử lý các dữ liệu kinh tế tài chính và các dữ liệu khác để cung cấp các thông tin kế toán cho các đối tượng sử dụng thông qua các báo cáo kế toán.

Mục tiêu quan trọng của việc thiết lập HTTT kế toán trong doanh nghiệp là đáp ứng được việc thu nhận đầy đủ và trung thực các dữ liệu đầu vào, qua đó xử lý các dữ liệu bằng những phương pháp nhất định, đồng thời nắm bắt nhu cầu sử dụng thông tin của từng đối tượng để cung cấp các thông tin hữu ích và phù hợp. Các dữ liệu đầu vào được ghi nhận trên các chứng từ kế toán hợp pháp, là cơ sở pháp lý để phản ánh trên hệ thống tài khoản, sổ kế toán và cuối cùng được tổng hợp thành các chỉ tiêu phù hợp trình bày trên các báo cáo kế toán nhằm cung cấp cho các đối tượng sử dụng thông tin. Trong quá trình xử lý dữ liệu, việc đạt được mục tiêu này, nghĩa là xác định một cách rõ ràng và cụ thể cần ghi nhận, xử lý những thông tin gì, sử dụng phương tiện gì và phương pháp ghi nhận như thế nào, đối tượng xử lý và cung cấp thông tin cho những đối tượng nào...

Đối với các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng nói riêng, vấn đề tổ chức hệ thống thông tin hợp lý nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin về kinh tế, tài chính cho các đối tượng sử dụng thông tin là yêu cầu thiết yếu. Tuy nhiên, để có cơ sở cho việc tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp tốt nhất, trước hết phải học hỏi kinh nghiệm của các doanh nghiệp ở các nước phát triển.

\* Bộ Quốc phòng

### 1. Hệ thống thông tin kế toán của một số nước trên thế giới

Ở các nước phát triển, nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua hệ thống pháp luật rất chặt chẽ và minh bạch. Công tác quản lý nhà nước về kế toán và tài chính được cụ thể hóa bằng các điều luật cụ thể như Luật Kế toán, Luật Thuế, Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Đầu tư... Kế toán được coi là những hoạt động mang tính kỹ thuật nghiệp vụ, được hướng dẫn thông qua các chuẩn mực kế toán của các Hiệp hội nghề nghiệp, hiệp hội kế toán kiểm toán... Khác với Việt Nam, khung kế toán của các nước phát triển bao gồm 2 thành phần chủ yếu, đó là Luật Kế toán do nhà nước ban hành còn Chuẩn mực Kế toán do Hiệp hội nghề nghiệp ban hành.

#### *Về bộ máy kế toán và sử dụng phần cứng:*

Các nước có nền kinh tế thị trường phát triển như Mỹ, Cộng hòa Pháp, Vương Quốc Anh, Nhật Bản, Đức... Nhà nước không trực tiếp ban hành Chuẩn mực kế toán mà công việc này thường do các Hiệp hội nghề nghiệp ban hành. Do kinh tế tư nhân phát triển mạnh và công nghệ thông tin tiên tiến, việc thực hiện các công việc của kế toán hầu như luôn gắn liền với các phương tiện tính toán ngày càng hiện đại và có sự kết hợp giữa máy tính cá nhân, mạng nội bộ và mạng Internet. Các nhân viên trong bộ máy kế toán của các doanh nghiệp thường được trang bị kiến thức chuyên môn về kế toán, tin học và phân tích dữ liệu.

Bộ máy kế toán trong các doanh nghiệp bất kể mọi quy mô lớn, vừa và nhỏ thường áp dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung với sự hỗ trợ đắc lực của hệ thống mạng Internet. Chính hệ thống mạng Internet đã tạo ra sự kết nối tất cả các cá nhân, bộ phận không những trong phạm vi một doanh nghiệp mà nhiều doanh nghiệp với nhau trong khuôn khổ cần thiết nhất định. Do vậy, việc thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin cho các đối tượng được đảm bảo một cách chính xác, kịp thời và khắc phục nhiều hạn chế về khoảng cách địa lý, thậm chí trên phạm vi toàn cầu của một công ty đa quốc gia.

Bộ máy kế toán được bố trí theo các phần hành kế toán cụ thể, thường theo mô hình kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị. Trong đó, đặc biệt quan tâm đến kế toán quản trị. Vì, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, các thông tin về kế toán

quản trị càng cần thiết được bí mật, đồng thời là cơ sở cho nhà quản trị doanh nghiệp quyết định phương án kinh doanh hợp lý nhất để thắng thế trên thương trường.

Do trình độ khoa học hiện đại và công nghệ tiên tiến, kết hợp với khả năng về tài chính dồi dào, việc thiết lập cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và trang bị phần cứng trong các doanh nghiệp thường khá tốt, đầy đủ các phương tiện hiện đại. Bởi vậy, rất thuận tiện cho các công việc thu nhận, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin về mọi hoạt động của doanh nghiệp cho các đối tượng cần sử dụng thông tin của doanh nghiệp.

#### *Về phần mềm kế toán*

Theo tác giả Vũ Bá Anh (2015) thì “đa số DN ở Anh, Pháp, Mỹ và Nhật Bản đã sử dụng phần mềm giải pháp tổng thể ERP, bên cạnh đó vẫn tồn tại nhiều DN sử dụng các phần mềm kế toán riêng biệt trong HTTT kế toán”. Với trình độ tin học và trình độ chuyên môn về kế toán của các nhân viên kế toán được phân công sử dụng cùng với những quy định chặt chẽ về chế độ trách nhiệm và chế độ bảo mật thông tin nên HTTT kế toán trong các doanh nghiệp ở các nước phát triển luôn đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về KTTC và thông tin KTQT cho các đối tượng sử dụng với các mục đích khác nhau. Các phần mềm kế toán trong các doanh nghiệp đảm bảo những yêu cầu của những nhân viên kế toán trong bộ máy kế toán như: *Thứ nhất*, phù hợp với chính sách quản lý tài sản và quản lý tài chính của doanh nghiệp, chẳng hạn như phương pháp quản lý hàng tồn kho, phương pháp tính giá hàng xuất, nhập kho, phương pháp kế toán tài sản cố định, tính khấu hao tài sản cố định... *Thứ hai*, phù hợp với đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như đặc điểm của ngành nghề sản xuất kinh doanh, đặc điểm của đối tượng kế toán, các tiêu thức quản lý, phương pháp tập hợp và phân bổ chi phí, phương pháp tính giá thành sản phẩm... *Thứ ba*, phù hợp với quy mô doanh nghiệp và đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp; *Thứ tư*, phù hợp với yêu cầu cung cấp và xử lý thông tin kế toán; *Thứ năm*, phù hợp với yêu cầu tích hợp dữ liệu và hợp nhất báo cáo tài chính; *Thứ sáu*, phù hợp yêu cầu về tốc độ và thời gian xử lý cũng như thời điểm cung cấp thông tin... Đồng thời, phần mềm kế toán phải đảm bảo có tính kiểm soát cao, tính linh hoạt và tính phổ biến, ổn định...

**Về các chính sách, thủ tục kế toán**

Về chính sách và thủ tục kế toán ở mỗi nước có những quy định riêng phù hợp với luật của từng nước. Đối với việc soạn thảo và ban hành các thủ tục kế toán ở các nước được thực hiện như sau:

+ Ở Vương quốc Anh, việc soạn thảo và ban hành Chuẩn mực kế toán do Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc gia.

+ Ở Mỹ, việc soạn thảo và ban hành Chuẩn mực kế toán do Hội đồng tiêu chuẩn Kế toán tài chính thuộc Viện Kế toán Công chứng Hoa kỳ; ở Mỹ không quy định hệ thống tài khoản kế toán bắt buộc các DN phải sử dụng thống nhất mà các DN tùy theo đặc điểm của mình để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin kế toán trong quá trình hoạt động SXKD. Tuy nhiên, cũng không thể tùy tiện mà phải căn cứ vào Chuẩn mực kế toán các doanh nghiệp sử dụng Hệ thống tài khoản kế toán kết hợp giữa các tài khoản sử dụng cho KTTTC và các TK kế toán sử dụng cho KTQT. Số hiệu các TK có thể từ 2 chữ số trở lên, trong đó, chữ số thứ nhất phản ánh loại TK, chữ số thứ 2 phản ánh nhóm TK, chữ số thứ 3 phản ánh thứ tự TK trong nhóm... Các TK được mã hóa rất cụ thể, chi tiết để có thể thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản trị của nhà quản trị trong các doanh nghiệp. Các TK gồm 6 loại sau:

- Loại 1: Loại tài khoản phản ánh “tài sản” gồm các TK phản ánh số hiện có và sự vận động của các loại tài sản trong doanh nghiệp. Các TK này được sắp xếp theo thứ tự căn cứ vào tính chất luân chuyển của tài sản như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản nợ phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định. TK có 2 chữ số sẽ là các TK 11- đến 19, TK 3 chữ số sẽ là TK111 đến TK 199.

- Loại 2: Loại tài khoản phản ánh các khoản nợ phải trả, gồm các TK phản ánh số hiện có và sự vận động của các khoản nợ phải trả như tài khoản phải trả nhà cung cấp, phải trả người lao động, các khoản phải trả, phải nộp nhà nước... TK có 2 chữ số sẽ là các TK 21- đến 29, TK 3 chữ số sẽ là TK 211 đến TK 299.

- Loại 3: Loại tài khoản phản ánh “nguồn vốn của chủ nhân”, gồm các tài khoản phản ánh số hiện có và sự vận động của các loại nguồn vốn như TK nguồn vốn của chủ sở hữu, nguồn vốn vay, thu nhập không chia... TK có 2 chữ số sẽ là các TK 31- đến 39, TK 3 chữ số sẽ là TK 311 đến TK 399.

- Loại 4: Loại tài khoản phản ánh “doanh thu hoặc thu nhập”, gồm các tài khoản phản ánh số hiện có và sự vận động của doanh thu bán hàng và các loại doanh thu khác như TK doanh thu bán hàng, TK thu nhập hoạt động tài chính, TK doanh thu khác... TK có 2 chữ số sẽ là các TK 41- đến 49, TK 3 chữ số sẽ là TK 411 đến TK 499.

- Loại 5: Loại tài khoản phản ánh “chi phí”, gồm các tài khoản phản ánh số hiện có và sự vận động của các loại chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp như TK chi phí sản xuất, TK chi phí về tiền lương, TK chi phí về môi giới, TK chi phí thuê tài sản, TK chi phí bán hàng, TK chi phí quản lý... TK có 2 chữ số sẽ là các TK 51- đến 59, TK 3 chữ số sẽ là TK 511 đến TK 599.

- Loại 6: Loại tài khoản phản ánh “Kết quả kinh doanh” gồm các tài khoản phản ánh số hiện có và sự vận động của các khoản lãi, lỗ trong kinh doanh của doanh nghiệp như TK lãi, lỗ kinh doanh; TK lãi, lỗ cổ phần... TK có 2 chữ số sẽ là các TK 61- đến 69, TK 3 chữ số sẽ là TK 611 đến TK 699.

Về hệ thống báo cáo kế toán gồm 2 loại: Báo cáo tài chính là những báo cáo doanh nghiệp lập theo nguyên tắc của chuẩn mực kế toán để cung cấp cho các cơ quan liên quan của nhà nước như Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo KTQT được sử dụng trong các doanh nghiệp gồm 2 loại: (i) Báo cáo kiểm soát chi phí như báo cáo tình hình chi phí NVLTT, báo cáo chi phí NCTT, báo cáo chi phí SXC, báo cáo chi phí bán hàng và chi phí QLDN; và (ii) Báo cáo định hướng ra quyết định như báo cáo kết quả kinh doanh theo nhóm hàng hay báo cáo kết quả kinh doanh theo địa điểm kinh doanh; các báo cáo này phục vụ thông tin cho nhà quản trị ra các quyết định kinh doanh phù hợp.

+ Ở Cộng hòa Pháp, việc soạn thảo Chuẩn mực kế toán do Hội đồng quốc gia và được ban hành bởi Bộ Tài chính. Trong các doanh nghiệp, gồm kế toán tổng quát và kế toán phân tích, có thể hiểu rằng kế toán tổng quát chính là kế toán tài chính còn kế toán phân tích là kế toán quản trị. KTTTC bắt buộc đối với tất cả các DN còn KTQT thực hiện đến mức độ nào là do yêu cầu cụ thể của từng DN. Hệ thống TK được phân chia thành 9 loại. Từ loại 1 đến loại 8 là các TK kế toán tổng quát còn TK loại 9 là tài khoản kế toán phân tích.

Các TK tổng quát từ loại 1 đến loại 8 được chia thành các nhóm:

- Nhóm tài khoản trong bảng tổng kết tài sản từ loại 1 đến loại 5.

- Nhóm tài khoản dành cho quản lý từ loại 6 đến loại 7.

- Nhóm tài khoản đặc biệt, phản ánh kết quả và phân chia kết quả loại 8.

- Nhóm TK dùng cho KTQT (loại 9). Các nghiệp vụ kinh tế phản ánh vào các TK này theo những tiêu chuẩn riêng.

Về Hệ thống báo cáo kế toán gồm 2 loại: báo cáo kế toán sử dụng cho cơ quan có thẩm quyền và báo cáo kế toán sử dụng cho nội bộ doanh nghiệp. Báo cáo kế toán sử dụng cho cơ quan có thẩm quyền có thể được xem như những báo cáo tài chính như Bảng tổng kết tài sản, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Các báo cáo này được lập theo định kỳ căn cứ vào số liệu của kế toán tổng quát nhằm cung cấp cho các đối tượng thuộc các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước với mục tiêu quản lý nhà nước về tài chính kế toán đối với các DN.

Báo cáo sử dụng trong nội bộ doanh nghiệp phục vụ cho nhà quản trị trong việc kiểm soát tình hình chi phí, doanh thu và lợi nhuận như báo cáo chi phí, giá thành và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo những tiêu thức khác nhau như báo cáo chi phí theo nhóm hàng, chi phí theo địa điểm phát sinh chi phí, báo cáo doanh thu, lợi nhuận theo nhóm hàng, theo địa điểm kinh doanh...

+ Ở Nhật Bản, việc soạn thảo và ban hành Chuẩn mực kế toán do Hội đồng quốc gia thuộc Bộ Tài chính. Các doanh nghiệp dựa trên cơ sở các chuẩn mực kế toán đã ban hành và những điều kiện cụ thể của doanh nghiệp để sử dụng tài khoản kế toán. Các doanh nghiệp của Nhật Bản tùy theo yêu cầu quản lý cụ thể để sử dụng TK kế toán gồm các TK sử dụng cho KTTC và các TK sử dụng cho KTQT. Một số doanh nghiệp kết hợp tài khoản kế toán sử dụng cho KTTC và tài khoản sử dụng cho KTQT trên cùng một hệ thống tài khoản kế toán còn nhiều doanh nghiệp tách biệt giữa các tài khoản sử dụng cho KTTC và tài khoản sử dụng cho KTQT trên 2 hệ thống khác nhau. Các TK sử dụng cho kế toán tài chính được đánh số ký hiệu tùy thuộc vào loại tài khoản như các tài khoản phản ánh tài sản, các tài khoản phản ánh các khoản nợ, các tài khoản

phản ánh nguồn vốn, các tài khoản phản ánh doanh thu và các tài khoản phản ánh kết quả kinh doanh. Các tài khoản sử dụng cho kế toán quản trị được mã hóa theo từng mã phù hợp với yêu cầu quản trị với những chỉ tiêu quản trị nhất định.

Hệ thống báo cáo kế toán sử dụng trong các doanh nghiệp Nhật Bản cũng bao gồm 2 loại: Các báo cáo kế toán sử dụng cho các cơ quan nhà nước và các đối tượng bên ngoài và các báo cáo kế toán phục vụ cho nhà quản trị trong doanh nghiệp.

## 2. Bài học kinh nghiệm

Qua nghiên cứu HTTT kế toán của một số quốc gia phát triển trên thế giới, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng nói riêng như sau:

**Một là**, xây dựng hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp cần đáp ứng được yêu cầu hội nhập kinh tế nói chung và hội nhập quốc tế về kế toán nói riêng ngày càng sâu rộng. Song, vẫn phải chú ý đến đặc điểm cụ thể về sự phát triển chung của nền kinh tế nước ta trong từng thời kỳ nhằm đáp ứng được yêu cầu quản lý của các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước cũng như yêu cầu quản trị nội bộ doanh nghiệp.

Mỗi nước có chế độ chính trị khác nhau, trình độ phát triển kinh tế - xã hội cũng không giống nhau, do đó không thể áp dụng nguyên bản những kinh nghiệm về tổ chức hệ thống thông tin kế toán của doanh nghiệp các nước vào bối cảnh phát triển kinh tế nước ta hiện nay. Điều đó, nghĩa là cần thiết phải xuất phát từ bối cảnh chung của quốc tế và bối cảnh thực tế hiện tại của nước ta trong giai đoạn hiện nay để lựa chọn áp dụng những vấn đề thích hợp nhất.

**Hai là**, trong lĩnh vực kế toán, nhà nước không nhất thiết phải ban hành các Chuẩn mực kế toán để áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình sở hữu mà nhà nước chỉ cần ban hành Luật Kế toán còn Hội nghề nghiệp, cụ thể là Hội Kế toán hành nghề phải là nơi soạn thảo, ban hành và hướng dẫn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) cho các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế.

**Ba là**, xây dựng HTTT kế toán trong doanh nghiệp thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng cần đảm bảo phù hợp với đặc điểm đặc thù của mỗi doanh nghiệp hoạt động trên những lĩnh vực

khác nhau, đồng thời phải tuân thủ Luật Kế toán và những nguyên tắc của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Theo đó, các doanh nghiệp thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng cần phải căn cứ vào đặc điểm cụ thể của doanh nghiệp để tổ chức Hệ thống thông tin kế toán phù hợp. Các đặc điểm đó, bao gồm đặc điểm về tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp; đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh; đặc điểm về sản phẩm, hàng hóa sản xuất, kinh doanh; đặc điểm về trình độ chuyên môn và trình độ công nghệ thông tin của đội ngũ nhân viên kế toán; đặc điểm về khả năng tài chính của doanh nghiệp... Có như vậy, tổ chức hệ thống thông tin kế toán của doanh nghiệp mới có thể đáp ứng được mục tiêu đề ra.

**Bốn là**, xây dựng HTTT kế toán trong doanh nghiệp thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng cần phải kết hợp giữa việc xây dựng HTTT kế toán tài chính và HTTT kế toán quản trị nhằm đảm bảo cung cấp thông tin phù hợp với mục tiêu sử dụng của các nhóm đối tượng khác nhau như các cơ quan liên quan của nhà nước, các nhà cung cấp, nhà đầu tư và các nhà quản trị trong doanh nghiệp. Mỗi đối tượng khác nhau có mục đích sử dụng thông tin khác nhau. Đối với các đối tượng bên ngoài chỉ cần thiết sử dụng thông tin về kế toán tài chính thông qua các báo cáo tài chính của doanh nghiệp còn đối với các đối tượng bên trong, thông tin kế toán rất cần thiết cho việc ra quyết định kinh tế của nhà quản trị. Do vậy, hệ thống thông tin kế toán của doanh nghiệp cần đáp ứng cả hai loại đối tượng này. Điều đó đặt ra cho việc sử dụng hệ thống thu nhận, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin cho mỗi đối tượng có sự khác nhau về dữ liệu. Đối với các đối tượng bên ngoài, thông tin cung cấp một cách tổng quát, tổng hợp, còn các đối tượng bên trong, nhất thiết thông tin phải được rất chi tiết, tỷ mỉ theo yêu cầu quản trị của nhà quản trị doanh nghiệp.

**Năm là**, hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng cần được xây dựng theo hướng “mở”, không nên quá cụ thể, chi tiết như các mẫu chứng từ kế toán, mẫu sổ kế toán, mẫu báo cáo kế toán... để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có thể phát huy tính tự chủ, sáng tạo trong việc thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin kế toán. Theo đó, khi ban hành các quy định của Chế độ kế toán cần có một

khoảng rộng cần thiết để các doanh nghiệp có thể vận dụng trong khung này phù hợp. Ví dụ chứng từ kế toán, các doanh nghiệp có thể thiết kế mẫu chi tiết, cụ thể để sử dụng cho kế toán quản trị theo từng chỉ tiêu quản trị cụ thể và được mã hóa phù hợp cho mỗi doanh nghiệp hoặc tài khoản kế toán, các doanh nghiệp có thể xây dựng theo nhiều cấp độ và tổ chức mã hóa tài khoản để phục vụ cho kế toán quản trị...

**Sáu là**, cần có kế hoạch và có lộ trình xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phù hợp với khả năng tài chính của doanh nghiệp; thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về kế toán, về công nghệ thông tin và nâng cao đạo đức nghề nghiệp đối với đội ngũ người làm kế toán nhằm đảm bảo cho việc thu nhận, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin có chất lượng, kịp thời và thực hiện chế độ bảo mật thông tin. Tùy theo năng lực tài chính của mỗi DN mà có thể trang bị cơ sở hạ tầng phù hợp. Song, cần đảm bảo yêu cầu cơ bản về cơ sở hạ tầng công nghệ (phần cứng, phần mềm) được trang bị đầy đủ để triển khai một số ứng dụng thường xuyên của DN như trang bị máy tính, thiết lập mạng LAN, kết nối internet, môi trường truyền thông giữa các bộ phận trong nội bộ cũng như giữa các đối tác, đồng thời phải đào tạo được đội ngũ nhân lực đủ trình độ để sử dụng cơ sở hạ tầng trên vào các hoạt động tác nghiệp và hoạt động quản lý của DN. Việc đào tạo, bồi dưỡng người làm kế toán trực tiếp trên các phần mềm kế toán phải được lập kế hoạch dài hạn và đạt được trình độ nhất định như: có thể truy xuất thông tin dữ liệu từ phần mềm kế toán qua Microsoft Excel để xem xét các sổ kế toán, các báo cáo của đơn vị kế toán; kiểm soát được “dấu vết điều chỉnh, sửa chữa” phân hành kế toán do mình phụ trách,...

#### Tài liệu tham khảo:

Vũ Bá Anh (2015), “Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin”.

Gelinas và cộng sự (1999) “Accounting information systems”.

53. Romney M.B, Stair Paul John (2012), *Accounting Information System*, Prentice-hall edition, 12th edition USA.

Marshall Romney, Paul Steibart (2006), *Accounting Information, Systems* Pearson, Prentice Hall.

Zsuzsanna Tóth (2012), *The Current Role of Accounting Information Systems*, *Club of Economics in Miskolc*, Vol 8, Nr 1, pp 91-95.